TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2022
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu.

2. Bà Lê Thu Trà.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Đức Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên toà*:** bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2021/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị Thanh M, sinh năm 1997.

Trú tại: khu khu M, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1997.

Trú tại: thôn N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Thị Thanh M trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau

khi kết hôn, anh chị về chung sống tại thôn N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có lối sống, tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Kể từ tháng 9 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên hệ với nhau. Gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

Trong bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2021 gửi cho Tòa án, anh Phạm Văn Thái có lời khai: Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Kể từ tháng 9 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, anh đồng ý. Tuy nhiên, sau đó anh T không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và cũng không thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Mẹ đẻ anh T là bà Đỗ Thị C, trú tại thôn N, xã B, thị xã Đ có lời khai như sau:

Con trai bà là anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Thanh M đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh T và chị M chung sống với nhau tại thôn N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Một thời gian sau vợ chồng anh T, chị M xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tìm hiểu chưa đủ lâu, tính tình không hợp nhau. Nay chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, bà và anh T đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Anh T - trưởng thôn N, xã B, thị xã Đ cho biết:

Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Thanh M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên không thực hiện việc hòa giải tại thôn nên ông không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn. Anh T, chị M không có con chung, về tài sản chung và các khoản nợ chung địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bùi Thị Thanh M về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* chị Bùi Thị Thanh M có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Đây là vụ án "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Trong quá trình tống đạt các tài liệu, quyết định tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thanh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]*Về tình cảm*: chị Bùi Thị Thanh M và anh Phạm Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung, về tài sản chung và các khoản nợ chung*: không có nên không đề cập giải quyết

[5]*Về án phí*: chị Bùi Thị Thanh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh M về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: chị Bùi Thị Thanh M được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về án phí: chị Bùi Thị Thanh M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009126,* ngày *29/10/2021 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều*);

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Bình